

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn K, nơi ĐKKHTT: LC, xã ĐP, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 162, Lô 7c LHP, phường ĐK, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đồng Thị B, nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: LC, xã ĐP, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Trung Quốc. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Văn K trình bày:

Anh kết hôn với chị Đồng Thị B trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại

UBND xã ĐP, huyện KT, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 8 năm 2018. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2019, chị B có đi sang Trung Quốc làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 2 năm nay. Anh chỉ biết chị B đang sinh sống ở Trung Quốc, còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì anh không rõ. Chị Đồng Thị B vẫn thường xuyên liên lạc với bố chị là ông Lò Văn Q, địa chỉ: Đội 8, BC, xã PN, huyện VC (nay là thị xã NL), tỉnh YB. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị B càng sớm càng tốt để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Phạm Hải Đăng, sinh ngày 20/11/2018. Hiện tại con chung đang ở với anh, ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, anh xin tự thỏa thuận với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Đối với bị đơn chị Đồng Thị B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Lò Văn Q – là bố đẻ của chị Đồng Thị B. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Quý cung cấp địa chỉ của chị B ở Trung Quốc và yêu cầu ông cho biết kết quả về việc ông đã thông báo cho chị B để gửi lời khai về Tòa án chưa. Lời khai của ông Lò Văn Q thể hiện: Chị B vẫn liên lạc với ông nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể chị B ở Trung Quốc. Ông **đã thông báo cho chị B về yêu cầu của Tòa án**. Chị B đồng ý ly hôn với anh K. Ông Quý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K và chị B được ly hôn, để cho anh K được nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn K và chị Đồng Thị B đều vắng mặt và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của anh K thể hiện anh vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Đồng Thị B vắng mặt tại phiên tòa không có

lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Phạm Văn K được ly hôn với chị Đồng Thị B. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hải Đăng, sinh ngày 20/11/2018 cho anh Phạm Văn K nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh K xin tự giải quyết với chị B nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh K xin tự giải quyết với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Đồng Thị B có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Trung Quốc), nguyên đơn anh Phạm Văn K hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Đồng Thị B: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Đồng Thị B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Phạm Văn K và chị Đồng Thị B xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện KT, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 8 năm 2018 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm, kinh tế nên dẫn đến thường xuyên xảy ra bất đồng. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh K và

chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Phạm Văn K được ly hôn với chị Đồng Thị B.

[4] Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Đồng Thị B một con chung là: Phạm Hải Đăng, sinh ngày 20/11/2018. Xét thấy, hiện tại con chung đang ở với anh K, chị B đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, không có lời khai thể hiện quan điểm về con chung nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Do đó, cần giao con chung cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K xin tự giải quyết với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn K không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Đồng Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K được ly hôn chị Đồng Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hải Đăng, sinh ngày 20/11/2018 cho anh Phạm Văn K nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn K không yêu cầu giải quyết, anh xin tự giải quyết với chị Đồng Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn K không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Đồng Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0018772 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn K (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Đồng Thị B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã ĐP, huyện KT, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

